

Bản án số: 10/2020/HS-ST
Ngày 24-4-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tình

2. Ông Trần Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Xuân - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Thanh Liêm - Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L - sinh ngày 24 tháng 7 năm 1976 tại huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Khu 1B (nay là khu 1), xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1955 và bà Trần Thị M - sinh năm 1958; bị cáo có vợ là Trần Thị N - sinh năm 1988 (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/12/2019 đến nay. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

+ *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1985

Trú tại: Khu 10 (nay là khu V), xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị M - sinh năm 1958

Trú tại: Khu 1B (nay là khu 1), xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 27/7/2019, Nguyễn Văn L gọi điện thoại hẹn gặp chị Nguyễn Thị T để nói chuyện, giải quyết mâu thuẫn về chuyện tiền bạc vì trước đó L và chị T có quan hệ tình cảm nam nữ và L đã cho chị T vay tiền. Lúc này, chị T chuẩn bị đến giờ đi làm công nhân tại khu công nghiệp Phú Hà nên đồng ý gặp L ở khu vực đường Hùng Vương (thường gọi là đường 35 mét) thuộc khu 13, xã H, thị xã P. Khi đi, L mang theo từ nhà một nửa lưỡi dao cạo râu để ở trong túi quần rồi điều khiển xe mô tô BKS 19H8 - 9193 đi đến địa điểm hẹn gặp chị T. Mục đích L mang lưỡi dao cạo râu trên để dọa chị T, nếu không giải quyết được mâu thuẫn. Khi đến điểm hẹn gặp chị T, giữa L và chị T xảy ra cãi nhau nên L đã lấy nửa lưỡi dao cạo râu để sẵn trong túi quần cầm ở tay phải và nói với chị T “*có tin anh rạch mặt em ra không*”. Thấy L cầm lưỡi dao cạo râu trên tay, nghĩ L chỉ dọa chị T nói “*thích làm gì thì làm*”. Do bức tức nên L đã cầm lưỡi dao cạo râu bằng tay phải, rạch một nhát vào vùng má trái của chị T theo hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái làm rách da chảy máu vùng má sát dưới tai trái của chị T. Lúc này, chị T dùng khăn trang bịt vào vết thương để cầm máu. L nhìn thấy mặt chị T chảy máu thì bảo chị T đi đến nhà nghỉ Tuyết Mai thuộc khu 15, xã H, thị xã P để rửa vết thương. Chị T nghĩ rằng vết thương của mình không lớn nên đồng ý đi cùng L đến nhà nghỉ T Mai nhưng khi đến nơi thì chủ nhà nghỉ không cho L và chị T thuê phòng. Sau đó, chị T tiếp tục đi đến trạm y tế xã V, thị xã P để điều trị vết thương nhưng ông Bùi Quang H là y sỹ trạm y tế xã V bảo chị T đến Bệnh viện đa khoa thị xã P để điều trị. Chị T tiếp tục đi đến Bệnh viện đa khoa thị xã P để điều trị đến ngày 28/7/2019 thì ra viện.

Ngày 29/8/2019, chị Nguyễn Thị T đã có đơn gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đề nghị điều tra làm rõ xử lý Nguyễn Văn L theo đúng quy định của pháp luật.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể chị T vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 29/8/2019, Công an thị xã P xác định: “*Vùng má trái phía dưới tai trái có một vết sẹo cũ theo chiều ngang kích thước 4 x 0,3 cm, ngoài ra không có dấu vết gì*”.

Ngày 16/9/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã trưng cầu giám định thương tích đối với chị Nguyễn Thị T do hành vi của Nguyễn Văn L gây ra. Tại bản kết luận giám định pháp y số 233/TgT/2019 ngày 25/9/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Phú Thọ kết luận:

“*Trên cơ thể của chị Nguyễn Thị T có thương tích sau: Vết sẹo phần mềm, sẹo lõm vùng má trái.*

+ *Vết sẹo vùng má trái ảnh hưởng thẩm mỹ, không để lại di chứng.*

+ *Tỷ lệ tổn hại sức khỏe của chị Nguyễn Thị T là 11%*”

Kết luận giám định trên đều thông báo hợp lệ cho bị can Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị T.

Ngày 16/10/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã khởi tố vụ án và ngày 04/12/2019 khởi tố bị can Nguyễn Văn L về hành vi “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 điều 134 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyễn Văn L đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu xanh đen, số IMEL 356853072140041, lắp thẻ sim 0356424669, điện thoại cũ đã qua sử dụng và 01 chiếc áo vải dài tay màu trắng, có kẻ sọc màu đen, có 01 túi trước ngực trái, áo cũ đã qua sử dụng cho Cơ quan điều tra. Chị Nguyễn Thị T đã giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A112, màu đen, số IMEL 301014157849230, lắp thẻ sim 0988452494, điện thoại cũ đã qua sử dụng cho cơ quan điều tra. Bà Trần Thị M mẹ của Nguyễn Văn L đã giao nộp một nửa lưỡi dao cạo râu, kích thước 4,3cm x 1,2cm, có một lưỡi sắc, trên bản dao in dòng chữ “Premium”, dao cũ đã qua sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận: Do có mối quan hệ tình cảm nam nữ từ năm 2014, giữa bị cáo và chị T có vay nợ tiền của nhau nên ngày 27/7/2019, bị cáo có hẹn gặp chị T để nói chuyện. Do không thống nhất được nên giữa bị cáo và chị T có xảy ra xô sát và bị cáo có dùng nửa dao cạo râu chuẩn bị từ trước rạch vào mặt bên trái phía gần tai của chị T làm chị T bị tổn hại 11% sức khỏe như bản cáo trạng đã truy tố là đúng. Bị cáo đã vứt nửa dao cạo râu ở hiện trường. Bị cáo đã giao nộp cho Công an chiếc điện thoại bị cáo và chị T dùng liên lạc, trao đổi với nhau. Thương tích của chị T là do bị cáo gây ra. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị T 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và chị T đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Gia đình bị cáo không ai có thành tích trong kháng chiến, lao động và công tác. Bị cáo lao động tự do, thu nhập thấp chỉ đủ ăn, sống cùng gia đình không có tài sản gì.

Bản cáo trạng số 10/CT-VKS-TXPT ngày 04/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã P truy tố bị can Nguyễn Văn L về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố không có lời tranh luận và bào chữa nào khác. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn L từ 30 tháng đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự:

Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn L tự nguyện bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là hợp pháp.

-Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2; điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu của bà Trần Thị M một nửa lưỡi dao cạo râu, kích thước 4,3cm x 1,2cm, có một lưỡi sắc, trên bản dao in dòng chữ “Premium”, dao cũ đã qua sử dụng để tiêu hủy.

Trả lại cho: bị cáo Nguyễn Văn L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu xanh đen, số IMEL 356853072140041, lắp thẻ sim 0356424669 đã qua sử dụng và 01 chiếc áo vải dài tay màu trắng, có kẻ sọc màu đen, có 01 túi trước ngực trái, áo cũ đã qua sử dụng; chị Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A112, màu đen, số IMEL 301014157849230, lắp thẻ sim 0988452494, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ân hận về hành vi mà bị cáo đã phạm, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất và cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:

Khoảng 20 giờ ngày 27/7/2019, tại khu vực đường Hùng Vương (thường gọi là đường 35 mét) thuộc khu 13, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị T xảy ra cãi nhau về chuyện tiền bạc, hai bên không giải quyết được mâu thuẫn nên Nguyễn Văn L bực tức, không kiềm chế được bản thân đã lấy một nửa lưỡi dao cạo râu rạch một nhát vào vùng má sát phía dưới tai bên trái của chị T khiến chị T bị thương và tổn hại 11% sức khỏe. Hành vi dùng dao cạo râu gây thương tích của L được xác định là dùng hung khí nguy hiểm. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, kết luận trung cầu giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ pháp lý kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thị xã P truy tố bị cáo về tội danh cũng như điều luật là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:....

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này....”

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Văn L là người có hiểu biết xã hội và có điều kiện để nhận thức về pháp luật. Hành vi cố ý gây thương tích mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến khách thể là sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ, do vậy cần phải được xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự. Vì vậy, bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi đã gây ra. Song khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo vì trước lần phạm tội này bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là chưa cần thiết mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo theo quy định tại điều 65 của Bộ luật hình sự dưới sự quản lý, giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Do đó, đối với bị cáo chỉ cần áp dụng hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P tại phiên tòa là phù hợp. Mức án đó cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo sửa chữa được tội lỗi mà bị cáo đã phạm.

Cần hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Nguyễn Văn L đã tự nguyện bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 20.000.000 đồng. Chị T đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản gì khác, không đề nghị gì nên cần xác nhận.

[5]. Về vật chứng và đồ vật bị tạm giữ:

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P tạm giữ của: Bị cáo Nguyễn Văn L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu xanh đen, số IMEI 356853072140041, lắp thẻ sim 0356424669, điện thoại cũ đã qua sử dụng và 01 chiếc áo vải dài tay màu trắng, có kẻ sọc màu đen, có 01 túi trước ngực trái, áo cũ đã qua sử dụng; Chị Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A112, màu đen, số IMEI 301014157849230, lắp thẻ sim 0988452494, điện thoại cũ đã qua sử dụng. Đây là tài sản của bị cáo và chị T không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo và chị T.

Ngoài ra, bà Trần Thị M là mẹ của Nguyễn Văn L đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P một nửa lưỡi dao cạo râu, kích thước 4,3cm x 1,2cm, có một lưỡi sắc, trên bản dao in dòng chữ “Premium”, dao cũ đã qua sử dụng, bà M đề nghị không nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6].*Về án phí*: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 điều 65 Bộ luật hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội: “Cố ý gây thương tích”; phạt Nguyễn Văn L 30 (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 92 và điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

-Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng khoản 1 điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 30/2020/LCĐKNCT ngày 19/3/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ đối với bị cáo Nguyễn Văn L.

-Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự:

Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn L tự nguyện bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là hợp pháp.

-Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2; điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu của bà Trần Thị M một nửa lưỡi dao cạo râu, kích thước 4,3cm x 1,2cm, có một lưỡi sắc, trên bản dao in dòng chữ “Premium”, dao cũ đã qua sử dụng để tiêu hủy.

Trả lại cho: bị cáo Nguyễn Văn L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu xanh đen, số IMEL 356853072140041, lắp thẻ sim 0356424669 đã qua sử dụng và 01 chiếc áo vải dài tay màu trắng, có kẻ sọc màu đen, có 01 túi trước ngực trái, áo cũ đã qua sử dụng; chị Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A112, màu đen, số IMEL 301014157849230, lắp thẻ sim 0988452494, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng đến Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Phú Thọ ngày 07/02/2020).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã, tỉnh;
- Công an thị xã;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo; Bị hại; Người CQLNVLQ;
- Thị hành án hình sự;
- UBND xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao;
- Chi cục Thị hành án dân sự thị xã;
- Lưu hồ sơ (2 bản);
- Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

\

Hà Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thu Hiền